

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nậm Nhùn; điều chỉnh, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022, Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh**

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nậm Nhùn; số 1796/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nậm Nhùn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2912/TTr-STNMT ngày 27/11/2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nậm Nhùn, cụ thể như sau:

1. Thủy lợi Nậm Pang, xã Nậm Manh với diện tích 1,15 ha.
2. Nâng cấp đường giao thông từ bản Lòng Ngài đến bản Nậm Lay xã Nậm Hàng với diện tích 10,0 ha (*giảm 9,0 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
3. Đường đi khu sản xuất bản Táng Ngá, xã Nậm Chà với diện tích 15,0 ha (*tăng 10,0 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
4. Đường giao thông đi khu sản xuất bản Nậm Nhùn với diện tích 6,9 ha.
5. Nâng cấp, mở rộng bến đò trung tâm xã Mường Mô với diện tích 2,7 ha.
6. Đường vào khu sản xuất và bãi chăn thả gia súc tập trung xã Mường Mô với diện tích 15,2 ha (*tăng 14,4 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
7. Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Pú Đao với diện tích 0,46 ha.
8. Sửa chữa, cải tạo tuyến đường vào bản Nậm Pì, xã Pú Đao với diện tích 3,9 ha (*giảm 3,1 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
9. Nâng cấp, cứng hóa tuyến đường từ trung tâm xã Pú Đao đến bản Nậm Đắc - Nậm Đoong - Khu du lịch Pú Đao với diện tích 14,3 ha (*tăng 9,8 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
10. Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van, xã Nậm Hàng với diện tích 4,6 ha (*giảm 1,9 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
11. Sắp xếp ổn định dân cư bản Ma Sang, xã Nậm Pì với diện tích 6,0 ha (*giảm 2,2 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
12. Nâng cấp đường giao thông bản Pá Đôn xã Nậm Pì đến bản Lòng Ngài xã Nậm Hàng với diện tích 1,29 ha (*giảm 17,71 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
13. Đường giao thông đến bản Nậm Vạc 1 với diện tích 10,0 ha (*tăng 2,0 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
14. Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nậm Ban đi Nậm Nó 1 - Ao Trâu, xã Trung Chải với diện tích 16,2 ha (*tăng 2,2 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
15. Nâng cấp đường giao thông từ đồi cao su (Ao Trâu) đến bản Nậm Nó 2 với diện tích 6,0 ha (*giảm 6,0 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).
16. Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến bản Nậm Pì xã Pú Đao với diện tích 1,4 ha.
17. Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Hàng (*Nậm Cày, Lòng Ngài, Nậm Lay*) với diện tích 4,3 ha.
18. Đường giao thông vùng Quế xã Nậm Chà với diện tích 4,2 ha.

19. Hạ tầng kỹ thuật trung tâm xã Nậm Pì với diện tích 2,6 ha (*giảm 17,4 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

20. Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non xã Nậm Pì với diện tích 0,34 ha (*tăng 0,03 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

21. Đầu tư trụ sở làm việc Công an xã với diện tích 0,52 ha (*tăng 0,05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*), trong đó:

a) Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Chà với diện tích 0,31 ha (*tăng 0,05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

b) Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Ban với diện tích 0,11 ha.

c) Trụ sở làm việc Công an xã Hua Bum với diện tích 0,1 ha.

22. Trạm y tế xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn với diện tích 0,24 ha (*tăng 0,14 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

**Điều 2.** Điều chỉnh, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022, Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh khoản 4, bổ sung thêm khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh:

- **Nội dung đã được phê duyệt:** “4. Thủy điện Nậm Cuối (*điều chỉnh giảm diện tích thực hiện dự án và bổ sung thêm hạng mục đường dây 110kV*) với diện tích 36,58 ha (*giảm 6,67 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*)”.

- **Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung:**

“4. Thủy điện Nậm Cuối với diện tích 36,13 ha (*giảm 7,12 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*).

5. Đường dây 110 kV đấu nối Thủy điện Nậm Cuối với lưới điện quốc gia với diện tích 0,98 ha”.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh:

**Nội dung bãi bỏ:** “1. Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Nậm Nhùn (*GĐIII*) với diện tích 7,4 ha (*điều chỉnh chi tiết loại đất so với quy hoạch đã được phê duyệt*)”.

Lý do: Điều chỉnh 2,0 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) quay lại đất thương mại dịch vụ (TMD) ban đầu đã được phê duyệt quy hoạch.

Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 và Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh.

*(Vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình, dự án được điều chỉnh có sơ đồ kèm theo)*

**Điều 3.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị:

1. Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn:

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Công Thương hướng dẫn Chủ đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Các chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HUYỆN NẬM NHÙN; ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1142/QĐ-UBND NGÀY 25/8/2022, QUYẾT ĐỊNH SỐ 1333/QĐ-UBND NGÀY 07/10/2022 CỦA UBND TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
<b>1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm của các dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Nậm Nhùn</b>									
1	Thủy lợi Nậm Pang, xã Nậm Manh	Xã Nậm Manh	Đất trồng lúa nương (LUN) 0,1 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; đất sông suối (SON) 0,05 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,5 ha			1,15	Đất thủy lợi (DTL)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
2	Nâng cấp đường giao thông từ bản Lông Ngài đến bản Nậm Lay xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng, Hua Bum	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,1 ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,1 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,1 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,0 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,5 ha; đất sông suối (SON) 1,5 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,2 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,1 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 3,5 ha	19,0	Đất giao thông (DGT)	10,0	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất
3	Đường đi khu sản xuất bản Táng Ngá, xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,8ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,8ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,5 ha; đất sông suối (SON) 2,2ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 2,5ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 4,5ha	5,0	Đất giao thông (DGT)	15,0	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
4	Đường giao thông đi khu sản xuất bản Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, xã Nậm Hàng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,5 ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,1 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,5 ha; đất sông suối (SON) 1,0 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,8 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,3 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,0 ha			6,9	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
5	Nâng cấp, mở rộng bến đò trung tâm xã Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,5 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,0 ha			2,7	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
6	Đường vào khu sản xuất và bãi chăn thả gia súc tập trung xã Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,5 ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,8 ha; đất sông suối (SON) 2,6 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 1,8 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 4,3 ha	0,8	Đất giao thông (DGT)	15,2	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất
7	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Pú Đao, huyện Nậm Nhùn	Xã Pú Đao	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,2 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,05 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,01 ha			0,46	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
8	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường vào bản Nậm Pi, xã Pú Đao	Xã Pú Đao	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,5 ha; đất sông suối (SON) 0,3 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,2 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,5 ha	7,0	Đất giao thông (DGT)	3,9	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất
9	Nâng cấp, cứng hóa tuyến đường từ trung tâm xã Pú Đao đến bản Nậm Đắc- Nậm Doong - Khu du lịch Pú Đao	Xã Pú Đao, Nậm Hàng	Đất rừng sản xuất (RSX) 3,0 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 3,5 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 2,3 ha; đất sông suối (SON) 2,5 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 3,0 ha	4,5	Đất giao thông (DGT)	14,3	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất
10	Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	Đất giao thông (DGT) 0,14 ha; Đất trồng lúa hai vụ (LUC) 0,56 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,7 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,2 ha	6,5	LUK (0,50 ha); LUN (1,00 ha); NHK (5,00 ha)	4,6	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, loại đất
11	Sắp xếp ổn định dân cư bản Ma Sang, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi, xã Nậm Hàng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,5 ha	8,2	LUK 2,0 ha, LUN 1,5 ha, BHK 2,0 ha, NHK 2,5 ha, CLN 0,2 ha	6,0	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, vị trí, loại
12	Nâng cấp đường giao thông bản Pá Đôn xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi, xã Nậm	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,05 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,05 ha; đất nương rẫy trồng cây	19,0	Đất giao thông (DGT)	1,29	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án	Điều chỉnh quy mô, vị trí, loại đất

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
	đến bản Lồng Ngài xã Nậm Hàng	Hàng, xã Hua Bum	hàng năm khác (NHK) 0,49 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,7 ha					phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
13	Đường giao thông đến bản Nậm Vạc 1	Xã Nậm Ban	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,5 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,1 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,2 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,2 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,0 ha; đất giao thông (DGT) 2,0 ha	8,0	Đất giao thông (DGT)	10,0	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh tên, quy mô, hướng tuyến, loại đất
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nậm Ban đi Nậm Nó 1 - Ao Trâu, xã Trung Chải	Xã Nậm Ban, xã Trung Chải	Đất trồng lúa nương (LUN) 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,5 ha; đất sông suối (SON) 2,0 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 1,0 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,0 ha; đất giao thông (DGT) 4,5 ha	14,0	Đất giao thông (DGT)	16,2	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh tên, quy mô, hướng tuyến, loại đất
15	Nâng cấp đường giao thông từ đồi cao su (Ao Trâu) đến bản Nậm Nó 2	Xã Trung Chải	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,0 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,8 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,1 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1ha; đất giao thông (DGT) 1,0 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,0 ha	12,0	Đất giao thông (DGT)	6,0	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh tên, quy mô, hướng tuyến, loại đất
16	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia	Xã Pú Dao	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,2 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,8 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,1			1,4	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường	



STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
	đền bản Nậm Pi xã Pú Dao		ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,2 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,1 ha					giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
17	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Hàng (Nậm Cày, Lồng Ngài, Nậm Lay)	Xã Nậm Hàng	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 02 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,2 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 1,0 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,1 ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,5 ha			4,3	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
18	Đường giao thông vùng Quế xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,0 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,8 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,1 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,3 ha			4,2	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
19	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,0 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,0 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,6 ha	20,0	Đất giao thông (DGT)	2,6	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh tên, quy mô, loại đất
20	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,1 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,18 ha	0,31	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,34	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích	Điều chỉnh quy mô, hướng tuyến, loại đất

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
								sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	
21.1	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,31	0,26	Đất an ninh (CAN)	0,31	Đất an ninh (CAN)	Quyết định 1632/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư	Điều chỉnh quy mô, vị trí, loại đất
21.2	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,03 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,08 ha	0,11	Đất an ninh (CAN)	0,11	Đất an ninh (CAN)	Quyết định 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh vị trí, loại đất
21.3	Trụ sở làm việc Công an xã Hua Bum	Xã Hua Bum	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,1 ha	0,1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,1	Đất an ninh (CAN)	Quyết định 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh vị trí, loại đất lấy vào
22	Trạm y tế xã Nậm Pi, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Pi	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,24 ha	0,1	Đất công trình năng lượng (DNL)	0,24	DYT (0,24 ha)	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh	Điều chuyển vị trí, quy mô dự án

**2. Điều chỉnh khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022**

4	Thủy điện Nậm Cuối	Xã Nậm Pi	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 6,78 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 15,75 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,84 ha; đất công trình năng lượng (DNL) (3,56 ha); đất rừng sản xuất (RSX) 5,2 ha	36,58	Đất công trình năng lượng (DNL)	36,13	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2029; Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án, tách riêng dự án đường dây 110kV
5	Đường dây 110 kV đầu nối Thủy	Xã Nậm Pi	Đất rừng sản xuất (RSX) 0,37 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,61 ha			0,98	Đất công trình năng	Công văn số 1649/UBND-KTN ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc hướng	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(9)
	điện Nậm Cuối với lưới điện quốc gia						lượng (DNL)	tuyến đường dây 110kV đấu nối nhà máy thủy điện Nậm Cuối vào lưới điện quốc gia	
<b>3. Hủy bỏ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh</b>									
1	Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Nậm Nhùn (GĐIII)	Thị trấn Nậm Nhùn	Đất ở đô thị (ODT) 0,40 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,00 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 2,0 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 3,00 ha.	7,4	Đất trụ sở cơ quan (TSC)	7,4	Đất trụ sở cơ quan (TSC)	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Không điều chỉnh chi tiết loại đất từ 2,0 ha đất thương mại dịch vụ (TMD) sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)